

Số: 57 /2024/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm  
và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;*

*Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;*

*Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;*

*Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn*



thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1211/TTr-SLĐTBXH ngày 22/11/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *T.Ư*

#### Nơi nhận:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Thái Nguyên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu : VT, KGVX.

Pvk.QĐ5.LĐ

*[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT, CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Signature]*

Lê Quang Tiên





## QUY ĐỊNH

**Hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**  
(Kèm theo Quyết định số 57 /2024/QĐ-UBND ngày 17/12/2024  
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

###### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18/01/2024.

###### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

b) Đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai ngày 18/01/2024.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

##### Điều 2. Thời hạn và điều kiện hỗ trợ

###### 1. Thời hạn hỗ trợ

Người có đất thu hồi được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ giải quyết việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất. Người có đất thu hồi được hỗ trợ các chính sách một lần theo Quy định này.

###### 2. Điều kiện hỗ trợ

a) Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.



b) Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

c) Người có đất thu hồi được hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ điều kiện sau: Là người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm ngày 16/11/2013.

## **Chương II** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ**

### **Điều 3. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng**

Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Cụ thể:

#### 1. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế, tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học. Riêng trường hợp người có đất thu hồi là người khuyết tật mức hỗ trợ tối đa 06 triệu đồng/người/khóa học; người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, người thuộc hộ nghèo ở các xã, xóm đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tối đa 04 triệu đồng/người/khóa học.

#### 2. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Mức hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên. Đối với người khuyết tật, người học cư trú ở các xã, xóm thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại là 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

### **Điều 4. Đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng**

Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học. Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.



Mức trần học phí từ năm học 2023 - 2024 đến năm học 2026 - 2027 như sau:

*Đơn vị: Nghìn đồng/học sinh, sinh viên/tháng*

TT	Nhóm ngành, nghề đào tạo	Năm 2023 - 2024	Năm 2024 - 2025	Năm 2025 - 2026	Năm 2026 - 2027
1	Khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật, giáo dục và đào tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý	1.248	1.328	1.360	1.600
2	Khoa học, pháp luật và toán	1.326	1.411	1.445	1.700
3	Kỹ thuật và công nghệ thông tin	1.870	1.992	2.040	2.400
4	Sản xuất, chế biến và xây dựng	1.794	1.909	1.955	2.300
5	Nông, lâm, ngư nghiệp và thú y	1.287	1.370	1.400	1.650
6	Sức khỏe	2.184	2.324	2.380	2.800
7	Dịch vụ, du lịch và môi trường	1.560	1.660	1.700	2.000
8	An ninh, quốc phòng	1.716	1.820	1.870	2.200

#### **Điều 5. Vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên**

Người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên để tham gia học nghề theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên. Mức tối đa 04 triệu đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

### **Chương III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM**

#### **Điều 6. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước**

Người có đất thu hồi có nhu cầu hỗ trợ giải quyết việc làm:

1. Được tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại Trung tâm Dịch vụ việc làm Thái Nguyên.

2. Được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn vốn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. Mức cho vay tối đa là 100 triệu đồng/lao động.



## **Điều 7. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Người có đất thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐT BXH-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

1. Mức chi hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài

a) Đào tạo nghề: theo chi phí thực tế, mức hỗ trợ tối đa theo khoản 1 Điều 3 của Quy định này;

b) Đào tạo ngoại ngữ: theo chi phí thực tế và thời gian học thực tế, mức hỗ trợ tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học;

c) Bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, mức hỗ trợ tối đa 530.000 đồng/người/khóa học;

d) Tiền ăn trong thời gian đào tạo: Mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày thực học;

đ) Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức hỗ trợ 200.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên. Mức 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

e) Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài, gồm: Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định hiện hành của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam; Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp: mức tối đa 200.000 đồng/người; Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.



2. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mức vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

b) Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho người có đất thu hồi được quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kinh phí hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được quy định tại Điều 7 Quy định này được bố trí từ kinh phí đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kinh phí vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài được bố trí từ các nguồn Quỹ quốc gia về việc làm, nguồn vốn tín dụng khác.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện quy định này.

b) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm hỗ trợ tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí cho người lao động có đất thu hồi.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trên địa bàn tỉnh.



d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

## 2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Thái Nguyên

a) Chỉ đạo các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn hồ sơ và tổ chức việc cho vay đối với đối tượng có nhu cầu vay vốn theo Quy định này.

b) Tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện cho vay học nghề, giải quyết việc làm và vay vốn đi làm việc ở nước ngoài đối với nguồn Quỹ quốc gia về việc làm, các nguồn vốn tín dụng khác giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

## 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại địa phương. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trong quá trình lập phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tổ chức lấy ý kiến và có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của người có đất thu hồi.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền để Nhân dân và các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ hiểu rõ các chính sách theo quy định.

c) Chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, thành phố tham mưu và tổ chức thực hiện công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm theo quy định.

d) Báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động có đất thu hồi trên địa bàn về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 05 tháng 12 hằng năm.

## 4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi thu hồi đất, xây dựng phương án hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.



b) Đảm bảo đầy đủ, kịp thời kinh phí để chi trả, hỗ trợ người lao động có đất thu hồi.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nơi thu hồi đất giải quyết các vấn đề liên quan./.